

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày 06/3/2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ksor Pep

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Thanh Khiết;
2. Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quân Thu Hằng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương Dịu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 55/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thanh L, sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn Mới, xã Chư Rằm, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai(Có mặt).

-Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1982

Nơi cư trú cuối cùng: thôn Mới, xã Chư Rằm, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Thanh L trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Ng tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 19/7/2014 tại

Ủy ban nhân dân xã Chư Răc, huyện Krông Pa. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sống với nhau qua thời gian thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt, không còn quan tâm đến nhau. Đến năm 2009, anh Ng bỏ nhà đi cho đến nay không có tin tức gì. Anh Ng bỏ đi dẫn con Nguyễn Thị N theo anh Nguyễn. Từ khi anh Nguyễn bỏ đi không liên lạc gì với chị hay bất cứ ai trong gia đình. Chị đã tìm kiếm nhiều nơi, thăm hỏi những người thân trong gia đình nhưng mọi người đều không hay biết tin tức gì của anh Ng. Chị đã yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Nguyễn Văn Ng mất tích và đã được Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị nhưng việc tuyên bố mất tích đối với anh Ng không có kết quả, hết thời hạn luật định mà anh Ng vẫn không có mặt tại địa phương. Do chị và anh Ng không chung sống với nhau một thời gian dài. Vì vậy, chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Ng được ly hôn trước pháp luật.

-Về con: Chị và anh Nguyễn Văn Ng có 01 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 19/3/2004. Khi bỏ nhà đi anh Nguyễn Văn Ng dẫn cháu N đi theo nên khi ly hôn chị đề nghị giao con cho anh Ng chăm sóc, nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con

-Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Văn Ng mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhiều lần và quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai hay ý kiến gì có trong hồ sơ vụ án.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; đương sự cũng có thái độ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật tố tụng.

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Áp dụng Điều 28, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 9, 51, 53, 54, 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 – Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm, xử:

-Về hôn nhân: Chị Phan Thị Thanh L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ng trước pháp luật.

-Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị N, sinh ngày 19/3/2004 cho anh Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con

-Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

-Về án phí ly hôn: Căn cứ khoản 4, Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết : 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Phan Thị Thanh L phải chịu 300 000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Văn Ng như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập...theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Nguyễn Văn Ng không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng; ở giai đoạn xét xử vụ án Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Văn Ng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi nguyên đơn tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để quyết định, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Chị Phan Thị Thanh L và anh Nguyễn Văn Ng tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Chư Răm, huyện Krông Pa vào ngày 19/7/2014 nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống chị L và anh Ng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng rạn nứt nghiêm trọng. Đến năm 2009, anh Ng bỏ nhà đi mặc dù giữa hai vợ chồng không hề có mâu thuẫn gì dẫn tới việc anh Ng phải bỏ nhà đi. Anh Ng bỏ nhà đi đâu không rõ và cũng từ đó hai vợ chồng không có liên lạc gì với nhau. Đến năm 2017 chị L đã làm thủ tục yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Ng mất tích và đã được chấp nhận nhưng việc tuyên bố anh Ng mất tích vẫn không có kết quả. Do chị L và anh Ng không chung sống với nhau một khoảng thời gian quá lâu, hiện tình cảm chị giành cho anh Ng đã hết nên chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ng. Xét mâu thuẫn giữa chị L và anh Ng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn với anh Ng của chị L là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[3] -Về con và cấp dưỡng nuôi con chung: chị L và anh Ng có 01 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 19/3/2004. Anh Ng bỏ nhà đi và dẫn cháu Nguyễn Thị N đi theo nên khi ly hôn chị L có nguyện vọng giao con cho anh Ng chăm sóc và nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, cần giao con Nguyễn Thị N, sinh ngày 19/3/2004 cho anh Ng chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Phan Thị Thanh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

-Căn cứ khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 54, 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 – Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị Thanh L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ng trước pháp luật.

2. Về con chung: giao con Nguyễn Thị N, sinh ngày 19/3/2004 cho anh Nguyễn Văn Ng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị Phan Thị Thanh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Phan Thị Thanh L được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu chị Phan Thị Thanh L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Anh Ng cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Thanh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005937 ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Phan Thị Thanh L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/3/2018), còn anh Nguyễn Văn Ng có quyền kháng cáo bản

án kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú cuối cùng để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.\

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Krông Pa (01 bản);
- UBND xã Ia Chư Rcăm (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ/VP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ksor Pep

Thành viên hội đồng xét xử

-

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thanh Khiết - Nguyễn Thị Kiều Diễm

Ksor Pep

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Krông Pa (01 bản);
- UBND xã Ia Rơm (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ/VP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ksor Pep

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Krông Pa (01 bản);
- UBND xã Ia Rơm (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ/VP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ksor Pep

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thanh Khiết Nguyễn Thị Kiều Diễm

Ksor Pep